TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/10/2019
V/v tranh chấp *"xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chí Cường**

Bà **Trần Thị Thu Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 130/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐ-HPT ngày 08/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thòong Thai M,** sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng T,** sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh T.

- Chị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Anh T vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 25/6/2019 nguyên đơn chị Thòong Thai M trình bày: Tôi và anh Nguyễn Hoàng T cưới nhau vào năm 2002, có quen biết tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T vào năm 2003. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, hay cự cãi nhau. Lý do là do anh T sống gia trưởng, độc đoán và sống không chung thủy, hiện tại đã bỏ đi chung sống với người phụ nữ

khác. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, nên tôi không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa. Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 08/9/2003 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/8/2011, cả hai con hiện đang sống với tôi; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T; Về con chung: Yêu cầu tiếp tục nuôi một con chung là Nguyễn Hải Đ và Nguyễn Anh K. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

- Ngày 26/8/2019 nguyên đơn chị Thòong Thai M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Tại đơn đồng ý ly hôn ngày 05/5/2019 bị đơn anh Nguyễn Hoàng T trình bày: Vợ tôi làm đơn khởi kiện xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn, lý do vì đi làm xa nhà nên không đi lên Tòa án được

* Tại phiên tòa hôm nay:

Chị M và anh T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Thòong Thai M, thì chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hoàng T. Anh Nguyễn Hoàng T hiện đang cư trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Ly hôn" qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn chị Thòong Thai M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Hoàng T không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Thòong Thai M và bị đơn anh Nguyễn Hoàng T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Thòong Thai M yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Thòong Thai M, Hội đồng xét xử xét thấy chị M và anh T có quen biết tìm hiểu trước và cưới nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do chị M xác định là do anh T sống gia trưởng, độc đoán và sống không chung thủy, hiện tại đã bỏ đi chung sống với người phụ nữ khác và vợ chồng ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng cũng không hàn gắn được gì. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế thời gian ly thân của chị M và anh T từ năm 2017 đến nay là đã lâu, trong thời gian ly thân nhau, chị M và anh T cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ

chồng. Chị M xin được ly hôn đối với anh T vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn anh Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị M và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án; Tòa án cũng đã Thông báo cho anh T biết về kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh cũng tiếp tục không có ý kiến, như vậy là anh T biết được việc chị M kiện yêu cầu xin ly hôn với anh. Tại đơn đồng ý ly hôn ngày 05/5/2019 bị đơn anh Nguyễn Hoàng T có ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M. Như vậy chứng tỏ anh T đã không còn tình cảm đối với chị M. Tại văn bản nêu ý kiến của chị Lê Thị Trà M1 là bạn của chị M xác định, chị M và anh T thường hay mâu thuẫn cải vã, anh T không lo cuộc sống cho vợ con và ly thân nhau từ 2017 đến nay không hàn gắn được, anh T đã chung sống với người phụ nữ khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Thòong Thai M được ly hôn anh Nguyễn Hoàng T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị M và anh T có hai con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 08/9/2003 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/8/2011, cả hai cháu hiện đang sống với chị M. Chị M yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ly thân nhau cho đến nay, cháu Đ và cháu K hiện đang sống với chị M ổn định. Chị M cũng có điều kiện để nuôi dạy con tốt. Thời gian ly thân anh T cũng không có thăm nom, chăm sóc con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có tranh chấp gì về việc nuôi con chung. Lời khai của cháu Đ và cháu K yêu cầu được sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cho chị M nuôi con chung giữa chị và anh T là phù hợp, đảm bảo cuộc sống cho các cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M cũng không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận cho chị Thòong Thai M được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Thòong Thai M được tiếp tục nuôi hai con chung giữa chị và anh Nguyễn Hoàng T là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 08/9/2003 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/8/2011. Anh Nguyễn Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Thòong Thai M chưa có yêu cầu.

Anh Nguyễn Hoàng T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền tranh cản.

3. Về án phí:

Chị Thòong Thai M phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 19893 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị M thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị M và anh T được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS H. Tân Phước;
- UBND xã P, huyện T;
- Các đương sự:
  + Thòong Thai M
  + Nguyễn Hoàng T.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh